

VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG QUẢN LÝ BẢO TỒN VƯỜN CÒ NGỌC NHỊ, BA VÌ, HÀ NỘI

Trần Thu Phương¹, Trần Yêm²

¹Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN

²Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

ABSTRACT

This article presents the results of research which was conducted in the Ngoc Nhi Bird Colony, Cam Linh Commune, Ba Vi District, Ha Noi City. Considering natural and socio-economic aspects as well as the management status of the bird colony, the roles of community in conservation management and development of the Ngoc Nhi Bird Colony are analyzed and recommendations have been made.

Findings of the research show that there are number of management conflicts in Ngoc Nhi Bird Colony, especially in land use management. The local community plays a significant role in solving these conflicts through dialogue between the owner of the bird colony and the local community. Consensus in the community in the management and development of the bird colony is highly evaluated.

MỞ ĐẦU

Chim Việt Nam rất phong phú về chủng loài và cá thể. Năm 1995, đã xác định được 828 loài chim (Võ Quý và Nguyễn Cừ, 1999) và hiện nay số loài đã lên đến 840 loài (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2005). Một hệ thống sân chim đã hình thành và phát triển từ lâu trên mọi miền của đất nước. Các sân chim, vườn chim tự nhiên đã thu hút nhiều nhà nghiên cứu cũng như khách du lịch trong nước và quốc tế đến nghiên cứu và tham quan. Ở đồng bằng sông Hồng có thể kể đến các vườn chim như Vườn cò Ngọc Nhị (Hà Nội), Vườn chim Núi Đẩu (Hải Phòng), Vườn chim Hải Lựu (Vĩnh Phúc), Đảo cò Chi Lăng Nam (Hải Dương), Vườn cò Đông Xuyên (Bắc Ninh), v.v...

Chim sinh sống trong các sân chim đóng vai trò quan trọng đối với các hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái nông nghiệp do các chất dinh dưỡng từ phân chim cung cấp thức ăn cho những thành phần cơ bản của chuỗi thức ăn, ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất của các thủy vực cần thiết cho con người (thực vật, tôm, cua cá...). Nhiều loài chim sinh sống trong các sân chim là những loài ăn côn trùng có hại cho nông nghiệp và những côn trùng và động vật không xương sống có hại khác trong hệ sinh thái thủy sinh (Lê Diên Dục, 1990).

Do dân số tăng nhanh, nhu cầu phát triển xã hội rất lớn, nhiều khu đầm lầy, đất ngập nước bị khai phá, nhiều rừng tre bị chặt phá để làm đất nông nghiệp, đất thổ cư hay khu công nghiệp. Môi trường sống của các loài chim bị thu hẹp. Cùng với đó là những hạn chế trong công tác quản lý và bảo tồn tài nguyên động vật hoang dã của các ban ngành liên quan và của chính quyền địa phương, nhiều vườn cò hiện nay đang gặp khó khăn để tồn tại và phát triển, đặc biệt là các vườn cò do cá nhân sở hữu và quản lý. Vườn cò Ngọc Nhị là một ví dụ.

Để thực hiện tốt công tác quản lý bảo tồn các sân chim, cùng với việc hoàn thiện cơ chế quản lý Nhà nước, không thể thiếu được sự tham gia của cộng đồng địa phương.

Nghiên cứu này được thực hiện tại Vườn cò Ngọc Nhị, xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì, Hà Nội với mục đích tìm hiểu vai trò của cộng đồng trong việc quản lý và phát triển vườn cò, từ đó đưa ra những đề xuất góp phần giải quyết các mâu thuẫn trong quản lý và bảo tồn các vườn chim nói riêng và đa dạng sinh học nói chung.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong nghiên cứu này, ngoài phương pháp thu thập số liệu thứ cấp, nhóm nghiên cứu còn sử dụng một số công cụ của phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia (PRA) như quan sát, phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm để tìm hiểu về các khía cạnh môi trường tự nhiên, kinh tế-xã hội và công tác quản lý vườn cò. Trên cơ sở đó, tiến hành phân tích vai trò của cộng đồng trong quản lý và phát triển vườn cò.

Phỏng vấn sâu được tiến hành với một số lãnh đạo và cán bộ của xã Cẩm Lĩnh và các trưởng thôn Ngọc Nhị, Đông Phương và Bằng Tạ - những thôn liền kề và có các hoạt động sản xuất nông nghiệp liên quan trực tiếp đến vườn cò - để tìm hiểu về tình hình phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa của địa phương, cũng như quan điểm của chính quyền địa phương về cách thức quản lý vườn cò hiện nay. Phỏng vấn sâu cũng được tiến hành với cụ Phùng Đoài Tích, người có nhiều kinh nghiệm nhất trong thôn để tìm hiểu về quá trình phát triển vườn cò, và với chủ vườn cò để tìm hiểu các hoạt động bảo vệ và phát triển vườn cò, những khó khăn mà chủ vườn đang phải đối mặt.

Thảo luận nhóm được tiến hành ở 3 thôn Cẩm Lĩnh, Đông Phương và Bằng Tạ. Mỗi nhóm gồm 12 người dân, cả nam và nữ, đại diện cho những hộ trực tiếp bị ảnh hưởng hay hưởng lợi từ vườn cò và đại diện của các tổ chức xã hội trong cộng đồng, như hội người cao tuổi, hội nông dân, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, đoàn thanh niên. Các cuộc thảo luận nhóm tập trung tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của người dân và những mâu thuẫn trong cộng đồng liên quan đến quản lý và phát triển vườn cò.

ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN CỦA VƯỜN CÒ NGỌC NHỊ

Vị trí địa lý và sự hình thành vườn cò

Vườn cò Ngọc Nhị thuộc thôn Ngọc Nhị, xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì, Hà Nội. Vườn cách trung tâm huyện 10 km, cách thị xã Sơn Tây 20 km, cách trung tâm Hà Nội khoảng 70 km.

Trước kia, vườn cò là một vùng đất nửa đồi, nửa gò rộng 3,5 ha gọi là đồi Đứng hay đồi Chồn. Vùng gò đồi này thuộc sở hữu của 3 hộ gia đình thuộc dòng họ Phùng Đoài. Trước năm 1970, trên đồi trồng sắn, bạch đàn, tre, cây ăn quả... và đã có cò, vạc sinh sống, nhưng số lượng không nhiều. Năm 1992, ông Phùng Đoài Học đã mua lại diện tích đất của hai hộ còn lại trên đồi và gây dựng vườn cò bằng cách chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đồi. Toàn bộ diện tích đất trồng sắn trước kia được thay thế chủ yếu bằng các loại tre, keo và một số cây khác, phù hợp hơn đối với điều kiện sống của loài cò, vạc. Sau đó, đàn cò, vạc đã về nhiều hơn trước. Năm 2007, ông Học thuê một số diện tích đất liền kề, đào ao, trồng cây và tiếp tục mở rộng vườn. Đến nay, vườn cò có diện tích là 10 ha được chủ vườn gọi là Vườn cò Ngọc Nhị.

Đặc điểm khí hậu

Nằm trong vùng châu thổ sông Hồng nên khu vực Vườn cò Ngọc Nhị có khí hậu đặc trưng của đồng bằng Bắc Bộ là khí hậu nhiệt đới gió mùa. Trong năm có hai mùa rõ rệt, mùa hè nắng nóng, mưa nhiều, mùa đông lạnh, có mưa phùn. Lượng mưa trung bình đạt 1.628 mm/năm. Mùa mưa thường kéo

dài từ tháng 4 đến tháng 10. Độ ẩm không khí trung bình từ 85%-87%. Số giờ nắng trung bình là 1.681 giờ/năm. Nhiệt độ trung bình là 23°C. Khu vực chịu ảnh hưởng của hai hướng gió chính là gió Đông Bắc và gió Đông Nam. Mùa đông, gió mùa Đông Bắc thịnh hành từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Mùa hè gió Đông Nam thường thịnh hành từ tháng 4 - tháng 10, mang nhiều hơi nước gây mưa lớn. Ngoài ra, đầu mùa hạ có gió mùa Tây Nam khô nóng thổi từng đợt vào các tháng 5, 6, 7. Đặc biệt, khu vực này cũng thường xảy ra giông lớn và chịu sự ảnh hưởng trực tiếp của bão mỗi khi bão đổ bộ vào đồng bằng Bắc Bộ. Bão thường xảy ra từ tháng 7 đến tháng 10. Khi có giông, bão, tốc độ gió có thể đạt tới 100 km/h. Theo chủ vườn cò và một số người xung quanh thì vi khí hậu của vườn cò có một số khác biệt so với các đồi cây xung quanh. Khác biệt đó là Vườn cò Ngọc Nhị có nhiệt độ trong các tháng mùa hè thấp hơn so với xung quanh (mát mẻ hơn) và thường đón luồng gió Đông Nam hơn là những nơi khác.

Đặc điểm địa hình, thổ nhưỡng

Nhìn chung, địa hình khu vực nghiên cứu là địa hình bán sơn địa, xen kẽ nhiều đầm hồ và đồi gò thấp. Vườn cò là một quả đồi thấp độc lập, xung quanh được bao bọc bởi những thửa ruộng có xu thế thấp dần. Đồi có độ dốc nhỏ, mặt đồi thoải.

Đất trong khu vực vườn cò là đất Feralite nâu vàng phát triển trên đá mẹ phiến thạch sét. Tầng thảm mục dày hơn 5 cm ở khu vực rừng tre. Chất đất từ thịt nhẹ đến thịt trung bình, độ ẩm đất tương đối cao, kết cấu viên hạt nên đất tơi xốp thích hợp cho cây rừng sinh trưởng và phát triển. Những đặc điểm trên đây của đất Vườn cò Ngọc Nhị khác hẳn so với đồi Rận (cách Vườn cò Ngọc Nhị khoảng 200 m về phía Đông Bắc vườn cò). Ở đồi Rận, đất Feralite nâu vàng trơ sỏi, cằn cỗi.

Đặc điểm thủy văn

Nguồn nước cung cấp của khu vực khá dồi dào với hai nguồn chính là nước mặt và nước ngầm. Về nước ngầm, tuy chưa có thống kê cụ thể nhưng có các mạch nước ngầm phong phú, chất lượng nước tốt. Về nước mặt, khu vực có dòng sông Đà chảy ở phía Bắc, sau hợp thành sông Hồng cách vườn cò không xa. Ngoài ra, khu vực còn có rất nhiều đầm hồ tự nhiên và nhân tạo như đầm La Phù, đầm Long, đầm Yên Thịnh ở phía Tây và hồ Suối Hai, Đổng Mô - Ngải Sơn ở phía Nam có dung tích khoảng 50 triệu m³. Hệ thống đầm hồ này cùng với sông suối trong vùng là điều kiện lý tưởng để các loài chim nước kiếm ăn và chọn đồi Ngọc Nhị làm nơi trú ngụ, sinh trưởng, phát triển.

Đặc điểm hệ sinh thái Vườn cò Ngọc Nhị

Hệ thực vật

Nghiên cứu của Cao Kim Dung (2008), đã thống kê được 167 loài thực vật trong vườn cò, bao gồm cả thực vật trồng, thực vật hoang dại cùng với một số loài thực vật thủy sinh sống trong hồ.

Quây xung quanh vườn cò là các loại tre, nứa, trúc, vầu, mai... với một phần được trồng cũ, một phần được ông Học trồng thêm, chiếm 56% tổng diện tích. Các loài tre, nứa này đều sống thành bụi lớn, có bụi lên đến hàng trăm cây. Rừng cao tới 15-17m, có tán rậm rạp, thảm mục khá dày. Rừng tre này không chỉ để rào quanh vườn cò, tạo bóng mát và bảo vệ vườn, mà còn để lấy chõ làm tổ cho cò.

Các loại thực vật khác gồm cây dứa dại, xấu hổ, cỏ gà... thường mọc thành bụi, đặc biệt ở khu vực quanh hồ.

Thực vật thủy sinh trong hồ: gồm một số loại rong, rêu sinh sống như rong đuôi chó, cây lười mác...

Thành phần các loài chim

Theo kết quả nghiên cứu của Cao Kim Dung (2008) thì Vườn cò Ngọc Nhị có tổng số 83 loài chim, thuộc 32 họ và 11 bộ. Thành phần các loài chim thể hiện trong bảng dưới đây.

Bảng I. Thành phần các loài chim tại khu vực Vườn cò Ngọc Nhị

TT	Bộ	Số Họ	Số Loài
1	Bộ Hạc- Ciconiformes	01	09
2	Bộ Cắt – Falconiformes	02	07
3	Bộ Sếu - Gruiformes	02	04
4	Bộ Bồ câu - Columbiformes	01	02
5	Bộ Cu cu - Cuculiformes	01	04
6	Bộ Cú - Strigiformes	02	03
7	Bộ Cú muỗi - Caprimulgiformes	01	01
8	Bộ Yến - Apodiformes	01	02
9	Bộ Sả - Coraciiformes	02	03
10	Bộ Gõ kiến - Piciformes	01	01
11	Bộ Sẻ - Passeriformes	18	47
Tổng	11	32	83

Nguồn: Cao Kim Dung (2008).

Trong số 11 bộ ghi nhận được, thì bộ Sẻ (Passeriformes) có số lượng loài lớn nhất, 47 loài chiếm 56,63%. Tiếp theo là bộ Hạc (Ciconiformes) với 9 loài chiếm 10,84%, bộ Cắt (Falconiformes) với 7 loài chiếm 8,43%, bộ Sếu (Gruiformes) và bộ Cu Cu (Cuculiformes) cùng 4 loài chiếm 4,82%, bộ Cú (Strigiformes) và bộ Sả (Coraciiformes) cùng 3 loài chiếm 3,61%, bộ Yến (Apodiformes) và bộ Bồ câu (Columbiformes) cùng 2 loài chiếm 2,41% và cuối cùng là bộ Gõ kiến (Piciformes) và bộ Cú muỗi (Caprimulgiformes) 1 loài chiếm 1,2% tổng số loài ghi nhận được.

Các loài làm tổ tại vườn là Cò bợ (*Ardeola bacchus*), Cò ruồi (*Bubulcus ibis*), Cò trắng (*Egretta garzetta*), Vạc (*Nycticorax nycticorax*), Bò chao (*Garrulax perspicillatus*), Chích bông đuôi dài (*Orthotomus sutorius*)... Trong số các loài làm tổ có 4 loài trong họ Diệc là quan trọng và ý nghĩa nhất.

Trong số 83 loài trên, không có loài nào nằm trong diện Sách Đỏ Việt Nam (phần Động vật) (2007). Tuy nhiên, đã ghi nhận được 7 loài có mặt trong Công ước về Bán buôn Quốc tế các loài động, thực vật Hoang dã nguy cấp (CITES). Điều này cho thấy Vườn cò Ngọc Nhị không chỉ có giá trị về mặt cảnh quan môi trường, du lịch sinh thái, mà còn có cả giá trị về mặt bảo tồn đa dạng sinh học.

Theo nhận định của chủ vườn cò, hiện nay số lượng cá thể của đàn cò, vạc trong vườn đã lên đến 30.000-40.000 con tùy từng thời điểm trong năm. Nhiều đàn cò trước đây chỉ ở lại vườn trong thời gian nhất định trong năm, nhưng nay đã thay đổi tập tính, quanh năm sinh sống tại vườn.

Những yêu cầu đối với môi trường của đàn cò

Theo Lê Diên Dực (1990), để đàn cò có thể duy trì và phát triển, đòi hỏi các điều kiện sống của đàn cò như môi trường sống, nơi kiếm ăn, thức ăn và nơi ở phải đáp ứng được các điều kiện như sau.

Sinh cảnh

Câu nói từ ngàn xưa “Đất lành chim đậu” cho thấy chim được xem là chỉ thị môi trường. Nếu nơi nào vắng chim thì chứng tỏ môi trường ở đó “có vấn đề”. Ngược lại, chim sinh sống và sinh sản có kết quả ở một vùng thì chứng tỏ môi trường ở đây “lành mạnh”. Môi trường sống lành mạnh ở đây có thể hiểu là môi trường chưa hay không có tác động tiêu cực của con người như các hóa chất độc hại, đặc biệt là không có thuốc trừ sâu, những biến đổi về thảm thực vật, nhất là những thực vật là nơi làm tổ cho cò và những nhiễu loạn khác.

Nơi kiếm ăn của cò và vạc

Thức ăn chủ yếu của cò, vạc là cá, ếch, nhái và một số động vật thủy sinh khác. Các cánh đồng đổ ải là nơi kiếm ăn thuận lợi đối với các loài cò, vạc. Đất được cày lên phơi ải, khi nước từ hệ thống kênh

mương đổ về ruộng, đất được ngâm nước vỡ vụn, ra đồng thời được bừa để cấy lúa nên nhiều côn trùng trú ẩn trong đất phải chạy ra ngoài, làm thức ăn tốt cho cò, vạc. Vào thời gian đổ ải, cò kiếm ăn ngay trên cánh đồng hoặc từ những thủy vực cách xa nơi chúng ngủ đêm phong phú về nguồn tôm, cá, động vật thủy sinh, v.v...

Nơi ở của cò và vạc

Không phải tất cả các loại cây đều là nơi đỗ tốt cho cò, vạc. Cò thích đỗ ở phía ngoài của tán cây (nghĩa là ở phía mút của cành cây). Hiện tượng này được giải thích là ngón chân của cò chỉ có thể ôm kín được một cành cây nhỏ, khi không ôm được kín thì nó không đỗ. Vì vậy toàn bộ những cành có đường kính lớn ở phía trong tán cây đều không được cò sử dụng và cũng vì thế mà khi quan sát cò ngủ ban đêm ta thấy một màu trắng xóa vì tất cả chúng đều đỗ ở phía ngoài. Tre là một loại cây làm chỗ đỗ rất phù hợp với cò vì cành tre nhỏ nhưng lại cứng thích hợp hơn là cây bạch đàn, hay các loài cây khác. Hơn nữa, tre lại có nhiều gai nên cò, vạc được bảo vệ tốt hơn đối với vật ăn thịt như cầy, cáo, mèo và kể cả con người cũng không dễ tiếp cận chúng khi chúng ngủ đêm hoặc làm tổ trong bụi tre gai.

Cò và vạc đều là chim lội nước, có nghĩa là khi kiếm ăn chúng phải lội dưới nước chứ không bơi được như vịt trời, chim lặn, ngỗng trời v.v... Do đó, mực nước của các thủy vực quyết định nơi kiếm ăn của chúng. Nếu mực nước của thủy vực quá sâu so với chiều dài chân của cò, vạc, chúng không thể lội để kiếm ăn trực tiếp trên hồ. Tuy nhiên, vì chúng là chim nước nên cảnh quan hồ rất quan trọng đối với chúng. Trước hết là về mặt tâm lý, khi thấy mặt nước thoáng chúng yên tâm là kẻ thù khó xâm nhập hơn là những nơi không có nước. Đồng thời những côn trùng từ nước bay lên cũng có thể là thức ăn bổ sung của cò, vạc. Nghiên cứu của các nhà điểu học cho biết, các loài chim nói chung và loài cò, vạc nói riêng tương đối "bảo thủ". Những con cò, vạc đầu tiên đã chọn nơi này làm nơi dừng chân và đỗ lại thì con cháu của chúng cũng tiếp tục về đây để trú ngụ mặc dầu nhiều khi bị con người "bạc đãi". Tuy nhiên, chúng ta không thể lạm dụng tính bảo thủ đó để đối xử "tàn tệ" với chúng vì như vậy sẽ dẫn đến mất tài nguyên. Đàn cò, vạc sẽ bỏ đi nơi khác một khi chúng cảm thấy nếu cứ tiếp tục ở đây sẽ dẫn đến tuyệt diệt. Vì vậy, muốn cho chúng tiếp tục sinh sống, chúng ta cần có quy hoạch và bảo vệ hợp lý các vực nước thì mới có thể giữ được đàn cò, vạc.

ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI KHU VỰC VƯỜN CÒ

Một số đặc điểm về kinh tế

Sử dụng đất

Theo Báo cáo thuyết minh số liệu thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2010 của xã Cẩm Lĩnh (UBND xã Cẩm Lĩnh, 2010) thì xã có diện tích tự nhiên là 2.662 ha, trong đó:

- Đất trồng lúa: 581,65 ha
- Đất trồng màu: 106,03 ha
- Đất trồng cây lâu năm: 584,34 ha
- Đất lâm nghiệp: 492,79
- Đất nuôi trồng thủy sản: 86,83 ha
- Đất ở, đất chuyên dụng và các loại đất khác: 810,36 ha.

Cây trồng chính của xã là lúa, ngô, lạc, đậu các loại, sắn, khoai lang, rau màu, v.v... Có 2 vụ lúa chính: vụ chiêm xuân và vụ mùa. Năm 2009, diện tích lúa vụ chiêm xuân đạt 356 ha, năng suất đạt 55,8 tạ/ha. Diện tích lúa vụ mùa đạt 438 ha với năng suất là 51 tạ/ha (UBND xã Cẩm Lĩnh, 2009). Nhìn chung, năng suất lúa trong khu vực không cao, bệnh dịch nhiều nên người dân vẫn phải dùng thuốc trừ sâu để đảm bảo năng suất cây trồng. Các loại thuốc trừ sâu được dùng phổ biến nhất là Wofatox Bi-58, Mipcin, Bassa, Sevin...

Đất lâm nghiệp có diện tích 817,98 ha, trong đó rừng tự nhiên là 19,6 ha. Rừng trồng có diện tích là 48 ha chủ yếu là bạch đàn, keo lá tràm, thông. Diện tích vườn hộ là 367,36 ha, trồng chủ yếu một số cây ăn quả như vải, nhãn, dâu, na, mít, bưởi, v.v...

Vườn cò nằm ở vị trí tương đối biệt lập, không gần khu dân cư và được bao xung quanh bằng các ruộng lúa. Hiện nay vườn rộng 10 ha, trong đó có khoảng 3 ha ao hồ. Trong quá trình mở rộng vườn cò từ năm 2002 đến 2007, chủ vườn cò đã được 86 hộ dân của hai thôn Ngọc Nhị và Đông Phương nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp với diện tích 20.076 m² là đất trồng lúa một hoặc hai vụ và đất màu. Chủ vườn cò đã chuyển đổi mục đích sử dụng diện tích đất này, trồng keo, tre và đào ao thả cá. Việc tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất của chủ vườn cò đã gây ra mâu thuẫn trong quản lý và sẽ được phân tích ở phần sau.

Chăn nuôi

Trong những năm gần đây, đàn gia súc, gia cầm của xã phát triển mạnh. Năm 2009, đàn trâu, bò của xã có 1.768 con, đàn lợn có 31.350 con, đàn gia cầm có 338.600 con.

Ngoài ra, trong xã còn phát triển nghề nuôi ong mật và nghề này mang lại thu nhập khá ổn định cho người dân. Xã có 1.800 đàn ong với sản lượng mật năm 2009 đạt 15 tấn.

Do mặt nước trong khu vực khá phong phú nên nghề nuôi cá phát triển. Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2010 là 86,83 ha với các loài cá nuôi chủ yếu là trắm cỏ, chép, trôi, rô phi... Diện tích nuôi trồng đã tăng hơn 5 ha so với diện tích năm 2005.

Du lịch, dịch vụ

Vườn cò ngày càng thu hút được nhiều du khách. Đối tượng đến vườn cò, ngoài các nhà nghiên cứu, học sinh, sinh viên, phần đông là các gia đình hoặc các nhóm bạn bè. Vào những ngày cuối tuần hoặc các dịp lễ, tết, số lượng khách tăng lên đáng kể, có hôm số lượng khách lên đến vài trăm người. Khách đến vườn cò, ngoài ăn uống, nghỉ ngơi, ngắm vườn cò, còn mua sản vật quê làm quà khi trở về. Do vậy, vườn cò đã tạo công ăn việc làm thường xuyên cho khoảng 30 người, và giúp chăn nuôi của xã phát triển. Do vậy, du lịch vườn cò đã góp phần phát triển kinh tế của địa phương.

Một số đặc điểm về dân số, văn hóa - xã hội

Dân số

Xã Cẩm Lĩnh có 10 thôn với 1.900 hộ và 9.182 khẩu. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,2%. Người dân ở đây sống chủ yếu bằng nghề nông thuần túy, sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi. Chỉ có khoảng 10% số dân trong xã buôn bán nhỏ lẻ, làm nghề thủ công và tham gia các dịch vụ du lịch.

Cơ sở hạ tầng

Hệ thống đường giao thông trong xã bao gồm cả đường ô tô và đường dân sinh đều là đường đất, chỉ có 3 km được trải nhựa nên người dân đi lại rất khó khăn nhất là trong mùa mưa.

Toàn xã đã có điện lưới và một tổng đài truyền thanh công suất 600 W với 18 loa ở khắp 10 thôn trong xã. Xã có một trạm y tế với 3 y sĩ. Tất cả các thôn đều có trường mầm non gồm 18 phòng học với 28 giáo viên. Một trường tiểu học gồm 21 phòng học, 41 lớp với 1.300 học sinh và một trường trung học cơ sở xây hai tầng gồm 12 phòng học với 24 lớp và 44 giáo viên (UBND xã Cẩm Lĩnh, 2009).

Nhận thức của người dân về loài cò

Phần lớn người dân nơi đây đã quen với sự có mặt của cò, vạc từ rất lâu nên sống khá thân thiện với các loài động vật hoang dã này. Người dân cũng cho rằng họ thấy cuộc sống thanh bình hơn khi địa phương có vườn cò với số lượng cò lớn và được nhiều du khách đến tham quan. Hiện tượng săn bắn chim hầu như không còn ở phần lớn các thôn, ngoại trừ thôn Bằng Tạ - thôn có truyền thống săn bắn lâu đời. Hiện nay, chính quyền xã đã có những quy định cấm săn bắn động vật hoang dã và đã vận động, nâng cao nhận thức cho người dân thôn Bằng Tạ, tuy nhiên, số người dùng súng bắn đạn rìa vẫn còn nhiều. Một số thanh niên địa phương rất mong muốn được đào tạo, nâng cao kiến thức về các loài chim để có thể tham gia phát triển và bảo vệ vườn cò tại địa phương.

HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN VƯỜN CÒ

Vườn cò hiện nay do chính chủ vườn cò là ông Phùng Đoàn Học quản lý. Vườn cò được ngăn cách với các ruộng lúa xung quanh bằng các bức tường xây bằng gạch. Trong vườn có nhiều loại tre, keo và ao ca, tạo môi trường sống cho cò. Theo thông tin do chủ vườn cò cung cấp thì số lượng cò tăng lên hàng năm. Tuy nhiên, số lượng cò chỉ là ước đoán vì chưa có nghiên cứu cụ thể nào khẳng định số lượng cò hàng năm. Đầu năm 2010, trong vườn xuất hiện một đàn cò với khoảng 20 cá thể mà trước đây chưa thấy trong khu vực. Vườn cò cũng đã tiếp nhiều đoàn nghiên cứu trong nước và quốc tế đến tham quan, nghiên cứu. Đây cũng là nơi học tập, nghiên cứu của nhiều học sinh, sinh viên các trường đại học. Trong vườn có một chòi làm bằng sắt, khách tham quan có thể lên đó quan sát đàn cò.

Trong phạm vi vườn cò, ông Học còn kinh doanh nhà hàng với các dãy lán lợp bằng tranh và bàn ghế bằng tre, gỗ. Theo quan sát của nhóm nghiên cứu thì số lượng bàn ghế trong nhà hàng có thể phục vụ cho khoảng 500 thực khách. Điều này, cũng đã được chủ vườn cò khẳng định. Thực đơn của nhà hàng, ngoài các món ăn phổ biến được chế biến từ gà, vịt, trâu, bò, cá, thực khách còn có thể gọi các món chế biến từ cò như cò quay, cò nướng, v.v...

Như vậy, ngoài việc phát triển đàn cò, chủ vườn cò cũng khai thác cò để phát triển kinh tế. Cũng theo chủ vườn cò thì đối tượng khai thác là loài cò bợ vì loài này sinh sản nhiều, số lượng cò con trong một lứa nhiều và số lứa sinh sản trong một năm cũng cao. Số lượng cò khai thác được chủ cò tính toán, dựa trên số lượng cò tự chết, số lượng chết do mưa bão, số lượng bị săn bắn, và cân đối với số lượng cò bố mẹ. Việc duy trì đàn cò đòi hỏi chủ vườn phải tính toán, cân đối cẩn thận, kỹ càng. Tuy nhiên, việc khai thác đàn cò chưa được tổ chức, cơ quan chuyên môn nào theo dõi, giám sát và đánh giá.

Hiện nay, việc quản lý và phát triển vườn cò do tư nhân là ông Học quản lý, hoàn toàn không có sự tham gia của chính quyền xã, huyện. Chính quyền địa phương chỉ quản lý về sử dụng đất, an ninh, và công việc kinh doanh nhà hàng trong vườn cò.



Hình 1. Một góc Vườn cò Ngọc Nhị



Hình 2. Một cá thể trong đàn cò mới xuất hiện tại Vườn cò Ngọc Nhị bị thương đang được nuôi trong vườn



Hình 3. Nhà hàng trong Vườn cò Ngọc Nhị

VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN VƯỜN CÒ

Lợi ích của vườn cò đối với cộng đồng địa phương

Ngoài các giá trị bảo tồn đa dạng sinh học và giá trị giáo dục môi trường, sự phát triển của vườn cò đã mang lại một số lợi ích thiết thực cho địa phương.

- Vườn cò là một điểm thu hút khách du lịch tham quan đến với địa phương, qua đó giúp người dân giao lưu, mở rộng quan hệ và học hỏi từ bên ngoài. Vườn cò cũng góp phần làm cho người dân tự hào về quê hương của mình.
- Vườn cò trở thành điểm du lịch đã mang lại hiệu quả kinh tế không chỉ cho bản thân chủ vườn cò mà còn cho một số hộ làm dịch vụ liên quan.
- Phát triển chăn nuôi lợn, gà, phục vụ du lịch vườn cò.
- Tạo công ăn việc làm cho một bộ phận người dân địa phương, góp phần tạo môi trường nuôi ong thuận lợi.
- Đóng góp xây dựng đình làng, góp phần tu sửa hạ tầng cơ sở, làm đường giao thông, phát quang đường đi, v.v...
- Đóng góp vào công tác từ thiện của cộng đồng như tặng quà, tiền hỗ trợ hộ nghèo trong thôn khi gặp khó khăn, đóng góp kinh phí cho các hoạt động văn hóa thể thao của thôn, xã.
- Duy trì và phát triển đàn cò và môi trường sống của cò là góp phần bảo vệ và phát triển rừng. Rừng trong khu vực phát triển rất tốt và theo đánh giá của các cụ cao niên thì rừng đã xanh tốt trở lại, gần giống thời kỳ nguyên sinh. Ngoài ra, nhiều hộ dân khác cũng muốn thu hút đàn cò nên phát triển trồng rừng tại khu vườn của mình.

Mặt tiêu cực của đàn cò

Cùng với những lợi ích mà vườn cò mang lại cho địa phương, cộng đồng gặp không ít khó khăn do vườn cò gây ra như sau:

- Việc mở rộng diện tích vườn cò đã gây khó khăn đối với việc đi lại cho một số hộ trong sản xuất nông nghiệp. Do vườn cò được rào, chắn bằng các bức tường cao, không thể vượt qua, để đến được các khoảnh ruộng của gia đình để sản xuất, một số hộ phải đi đường vòng, xa và mất thời gian. Tuy chủ vườn cò đã làm đường vành đai, tạo điều kiện đi lại cho người dân nhưng đường đi còn nhỏ, gập ghềnh, không được tu bổ thường xuyên nên việc đi lại vẫn khó khăn.
- Vào mùa đông (tháng 11-12 âm lịch) khi mực nước tại các ao, hồ trong khu vực bị cạn, nơi kiếm ăn của cò bị thu hẹp thì những ruộng lúa xung quanh vườn cò bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Cò dẫm nát lúa khi kiếm ăn và vò lúa để lấy nguyên liệu làm tổ, ảnh hưởng đến năng suất lúa sau này.
- Mùi hôi từ vườn cò đã ảnh hưởng đến những người sản xuất tại các khu vực liền kề vườn cò.
- Bệnh dịch trong chăn nuôi gà, vịt tăng có thể do cò mang mầm bệnh về.

Vai trò của cộng đồng trong quản lý và duy trì đàn cò

Duy trì và bảo vệ sinh cảnh của vườn cò

Như đã đề cập ở trên, để có thể duy trì và phát triển, đàn cò cần có không gian đủ rộng để sinh sống và phát triển. Nhưng hiện nay, vườn cò đang đứng trước nguy cơ bị thu hẹp diện tích và thay đổi sinh cảnh. Nguyên nhân cơ bản là vấn đề chuyển đổi sai mục đích sử dụng đất của chủ vườn cò và mâu thuẫn giữa chủ vườn cò và những người chuyển nhượng đất.

Theo Luật Đất đai, những chủ sử dụng đất được phép chuyển nhượng, cầm cố đất nông nghiệp. Trong trường hợp Vườn cò Ngọc Nhị, có 86 hộ dân đã chuyển nhượng đất cho chủ vườn thuê đất nông nghiệp. Từ đất trồng lúa và rau màu, chủ vườn cò đã trồng tre, đào ao nuôi cá, tạo sinh cảnh để phát triển vườn cò. Cũng theo Luật Đất đai, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của chủ vườn cò không

có sự cho phép của các cơ quan chức năng là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, việc chuyển nhượng đã được thực hiện khá lâu (từ năm 2002 đến 2007) mà chính quyền địa phương không can thiệp kịp thời nên việc xử lý hiện nay gặp nhiều khó khăn, xã chưa có hình thức xử phạt rõ ràng.

Bên cạnh đó, một trong những thách thức lớn nhất đối với Vườn cò Ngọc Nhị là việc chia lại quyền sử dụng đất vào năm 2013 ở địa phương. Theo luật sử dụng đất thì chủ vườn cò sẽ trả lại đất cho các hộ dân (hoặc chính quyền địa phương sẽ thu hồi đất và phân chia lại đất cho người dân). Như vậy, 4 kịch bản có thể xảy ra:

- Thứ nhất, các hộ sẽ nhận lại diện tích đất của mình. Trong trường hợp này, việc trả lại đất như hiện trạng ban đầu (tức là đất trồng lúa và trồng màu) cho 86 chủ cũ là rất khó thực hiện, hay có thể nói là không thể thực hiện được do đất đã được sử dụng trồng tre và làm ao nuôi cá, không còn phù hợp với trồng lúa và hoa màu. Chủ vườn cò sẽ phải đền bù rất lớn và phần lớn diện tích đất của vườn cò sẽ bị xé nhỏ, trả lại cho các hộ quản lý và thực hiện các hoạt động sản xuất theo kế hoạch riêng của mình. Lúc này sinh cảnh vườn cò sẽ bị ảnh hưởng rất nhiều.
- Thứ hai, chính quyền địa phương thu lại đất và giao cho các hộ khác. Trong trường hợp này, để duy trì được vườn cò, cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa các chủ đất để có thể quản lý và phát triển vườn cò.
- Thứ ba, chính quyền giao đất cho chủ vườn cò để tiếp tục phát triển. Trường hợp này thuận lợi cho chủ vườn cò nhưng chính quyền có thể bị người dân phản đối và phải có kế hoạch giải quyết triệt để tránh gây mâu thuẫn trong cộng đồng.
- Thứ tư, chính quyền thu lại đất và sử dụng cho mục đích chung của cộng đồng. Trong trường hợp này, diện tích vườn cò có thể không thay đổi, nhưng cơ chế và phương thức quản lý sẽ thay đổi. Hơn nữa, ngoài chủ vườn cò hiện nay, chính quyền địa phương có đủ năng lực và kinh nghiệm để duy trì và phát triển đàn cò hay không vẫn là câu hỏi cần phải được cân nhắc, xem xét.

Cho dù kịch bản nào xảy ra, thì cũng chỉ có sự tham gia của cộng đồng người dân mới giải quyết được các mâu thuẫn và cũng chỉ khi có được sự đồng thuận của cộng đồng thì sinh cảnh của vườn cò mới có thể giữ nguyên.

Duy trì và bảo vệ nguồn thức ăn và nơi kiếm ăn của cò, vạc

Hiện vẫn chưa biết được đàn cò vạc của Vườn cò Ngọc Nhị kiếm ăn ở những nơi nào trong vùng nhưng chắc chắn là không chỉ giới hạn trong phạm vi xã. Vì vậy, nếu ta tạo được nơi kiếm ăn thích hợp cho chúng ngay trong xã thì giảm được mối đe dọa. Tuy nhiên, muốn duy trì “đất lành” để “chim đậu” thì ít nhất môi trường xung quanh vườn cò phải trong lành, không có tác động tiêu cực của con người. Người dân hạn chế sử dụng thuốc trừ sâu chính là bảo vệ nơi kiếm ăn của cò, vạc. Như đã trình bày ở trên, hiện nay người dân trong xã Cẩm Lĩnh còn sử dụng nhiều thuốc trừ sâu để đảm bảo năng suất lúa. Nếu thuốc được sử dụng tràn lan cả về liều lượng, thời gian và chủng loại thì nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường sống của đàn cò, vạc là rất lớn vì các cánh đồng cũng là nơi kiếm ăn của cò, vạc. Ngoài ra, dư lượng thuốc trừ sâu sẽ ngấm vào đất, theo nước mưa, chảy vào các hồ ao, kênh rạch, sông suối làm ô nhiễm các vực nước, ảnh hưởng đến tôm, cá, là nguồn thức ăn của cò, vạc.

Người dân tiếp tục trồng lúa là duy trì nguồn thức ăn của đàn cò. Theo đánh giá của người dân địa phương thì năng suất lúa tại khu vực không cao, một số người dân có ý định chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thay trồng lúa bằng một số loại cây trồng khác. Nếu như việc đó xảy ra, thì diện tích trồng lúa sẽ bị thu hẹp. Điều này sẽ làm hạn chế một phần nguồn thức ăn của cò vạc, vì ruộng lúa trong thời kỳ đổ ải là nơi kiếm ăn thuận lợi của cò, vạc.

Người dân góp phần làm phong phú thêm nguồn thức ăn cho các loài chim nước nói chung và các loài cò, vạc nói riêng thông qua việc phát triển nuôi cá tại địa phương. Nuôi cá vừa phát triển kinh tế hộ vừa tạo môi trường kiếm ăn và sinh cảnh hỗ trợ vườn cò.

Trong trường hợp này, phải có sự thương lượng giữa chủ vườn cò và người trồng lúa bị thiệt hại, có thể phải đề xuất cơ chế đền bù. Mâu thuẫn này chỉ có thể giải quyết trên cơ sở đồng thuận của cộng đồng.

Nhận thức của người dân đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và phát triển đàn cò

Phần lớn người dân địa phương có ý thức bảo vệ đàn cò. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận người dân thôn Bằng Tạ, xã Cẩm Lĩnh và người dân các xã lân cận vẫn sử dụng súng đạn ria để săn bắn cò, vạc. Hiện tượng săn bắn thường xảy ra vào buổi chiều tà, khi đàn cò sau khi kiếm ăn bay trở về vườn cò và cũng là lúc đàn vạc bay khỏi vườn để đi kiếm ăn. Các hoạt động săn bắn đã gây nhiều loạn đối với đời sống của loài cò, vạc. Chính quyền địa phương đã có những quy định cấm săn bắn cò, vạc và các loài động vật hoang dã nói chung. Tuy nhiên, hiện tượng săn bắn vẫn tiếp tục xảy ra cho thấy cần có sự tham gia tích cực hơn nữa của cộng đồng địa phương, đặc biệt nâng cao công tác giáo dục tại các hộ gia đình thông qua các tổ chức xã hội như Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, v.v... Ngoài ra, chính quyền địa phương cần kết hợp với chính quyền các địa phương lân cận để giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân.

Nhận thức được giá trị của đàn cò, nhiều hộ dân đã trồng thêm tre, nứa trong vườn để tạo cảnh quan hấp dẫn cò, vạc. Những khó khăn mà vườn cò, vạc gây ra đối với những người dân canh tác gần vườn cò như mùi hôi, cò dấm đạp làm hỏng lúa, v.v... là không thể tránh khỏi. Do vậy, rất cần sự thông cảm, chia sẻ và hợp tác giữa chủ vườn cò và các hộ dân này.

Một vấn đề không kém quan trọng để duy trì và phát triển vườn cò là hoạt động kinh doanh của chủ vườn cò. Kinh doanh nhà hàng trong vườn cò là một cách tạo kinh phí để đầu tư phát triển vườn cò. Tuy nhiên, kinh doanh cả các món ăn được chế biến từ cò đã thu hút nhiều hơn du khách đến vườn cò, nhưng đồng thời cũng gây những phản ứng của cộng đồng địa phương đối với chủ vườn và hoài nghi công tác bảo vệ và phát triển vườn cò. Nếu chủ vườn cò có kế hoạch thay đổi cách thức quảng bá các món ăn chế biến từ cò bằng những sản phẩm thủ công mang ý nghĩa bảo vệ cò và các loài động vật hoang dã thì ý nghĩa bảo vệ và phát triển đàn cò sẽ tăng lên rất nhiều và công tác bảo vệ đàn cò chắc chắn sẽ được người dân và chính quyền địa phương ủng hộ hơn nữa. Hoặc tốt nhất, không kinh doanh ăn uống tại vườn cò.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Vườn cò Ngọc Nhị đang có rất nhiều cơ hội để phát triển. Thứ nhất, sự say mê, nhiệt tình của chủ vườn cò. Thứ hai, người dân địa phương ủng hộ phát triển vườn cò. Thứ ba, bảo tồn động vật hoang dã được thế giới và Việt Nam quan tâm và các nhà khoa học sẵn sàng hợp tác, giúp đỡ, tư vấn về chuyên môn. Thứ tư, vị trí của vườn cò gần Hà Nội, giao thông thuận lợi, vườn lại nằm trong khu vực có nhiều điểm tham quan, du lịch nổi tiếng như Ao Vua, suối Hai, chùa Mía, v.v...

Tuy nhiên, để duy trì và phát triển tốt vườn cò không thể thiếu sự tham gia quản lý của cộng đồng, đặc biệt là vai trò điều phối của chính quyền địa phương. Trước mắt, để giải quyết được những thách thức về duy trì sinh cảnh của vườn cò, vấn đề sử dụng đất phải được giải quyết thỏa đáng, vừa tuân thủ luật pháp, vừa đảm bảo được quyền lợi của chủ vườn cò và lợi ích của các hộ dân cũng như của cộng đồng địa phương. Về lâu dài, vườn cò phải được chính cộng đồng địa phương tham gia quản lý, trong đó có vai trò chủ đạo của chủ vườn cò hiện nay.

Chủ vườn cò cũng cần phải được nâng cao nhận thức để giảm bớt các hoạt động mang lại lợi ích kinh tế trước mắt làm giảm bớt ý nghĩa bảo tồn.

Chính quyền địa phương phải vào cuộc quyết liệt hơn nữa để giải quyết ổn thỏa các mâu thuẫn trong sử dụng đất tại vườn cò.

Tiếp tục nâng cao nhận thức của cộng đồng, đồng thời phải chú ý đến việc chia sẻ lợi ích của chủ vườn cò với cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2005. Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2005.

http://vea.gov.vn/VN/hientrangmoitruong/baocaomtquocgia/Documents/hientrang2005/pdf_ddsh/chuong_1.pdf

Cao Kim Dung, 2008. Hiện trạng khu hệ chim Vườn cò Ngọc Nhị - Biện pháp bảo tồn phát triển du lịch sinh thái bền vững. Luận văn tốt nghiệp Cử nhân sinh học, Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN.

Công ước CITES, 2005. Danh sách các loài động vật bị nghiêm cấm tiêu thụ dưới mọi hình thức ở Việt Nam. TRAFFIC - WWF.

Lê Diên Dực, 1990. Các sân chim ở đồng bằng sông Cửu Long. Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Lê Diên Dực, Trần Thu Phương, 2003. Vai trò của cộng đồng trong phát triển và bảo tồn đa dạng sinh học. Tài liệu dự án “Quản lý bảo tồn dựa vào cộng đồng tại Trung Quốc và Việt Nam”. Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Phước Cẩm Liên, 2009. Nghiên cứu một số tính chất môi trường đất, nước khu vực Vườn cò Ngọc Nhị, huyện Ba Vì, TP Hà Nội. Luận văn tốt nghiệp Cử nhân Khoa học Môi trường, Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Võ Quý, Nguyễn Cử, 1999. Danh lục chim Việt Nam. In lần thứ 2. Nhà Xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.

UBND xã Cẩm Lĩnh, 2009. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội - ANQP năm 2009, phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội - ANQP năm 2010.

UBND xã Cẩm Lĩnh, 2010. Báo cáo thuyết minh số liệu thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2010 xã Cẩm Lĩnh - Ba Vì - Hà Nội.